

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 159/2018/HS-ST.

Ngày: 29-6-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: T; Tên gọi khác: T1; Sinh năm: 1979; Tại: thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Không chỗ ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông D (Đã chết) và H (Đã chết), có vợ là N - sinh năm: 1979 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2008, hiện đều trú tại: Tỉnh Bình Dương.

Tiền sự: Không. Tiền án: 02;

Nhân thân: Từ nhỏ sinh ra và sống cùng gia đình tại thành phố Đà Nẵng. Năm 1985, cùng gia đình chuyển vào sinh sống tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được nuôi ăn học đến hết lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà sống phụ thuộc gia đình.

Năm 1997, bị Tòa án Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 01/HSST ngày 24/01/1997). Tháng 6/1997, bị Tòa án Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Năm 2004, bị Tòa án Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 44/2004/HSST ngày 14/9/2004”. Ngày 11/6/2006, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống.

Năm 2008, bị Tòa án Nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 22/2008/HSST ngày 15/9/2008.

Ngày 25/8/ 2010, bị Ủy ban Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt hành chính, đưa vào cơ sở chữa bệnh Trung tâm giáo dục Lao động xã hội tỉnh Đắk Lắk, thời hạn 24 tháng (Quyết định số 1151/QĐ-UBND);

Năm 2013, bị Tòa án Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 94/2013/HSST ngày 25/10/2013). Ngày 28/4/2015, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống.

Năm 2013, bị Tòa án Nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 61/2013/HSST ngày 18/11/2013). Bị cáo chưa chấp hành Bản án.

Ngày 30/11/2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang và tạm giữ về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 09/12/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Th; Tên gọi khác: Th1; Sinh năm: 1989; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã H, thành phố B, Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B và P; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không. Tiền án: 02;

Nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được nuôi ăn học đến hết lớp 11/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

Năm 2008, bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Năm 2009, bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02 bản án là 03 năm tù (Bản án số 262/2009/HSPT ngày 08/9/2009).

Năm 2011, bị Tòa án Nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án 317/2011/HSST ngày 28/11/2011). Năm 2012, bị Tòa án Nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt bản án 317/2011/HSST, buộc chấp hành 06 năm tù. Ngày 03/8/2017, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống.

Ngày 30/11/2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang và tạm giữ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 09/12/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: P; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1974; Tại: Tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã H, thành phố B, Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A (Đã

chết) và X; Bị cáo có vợ là Ng, sinh năm: 1975 (Đã ly hôn), bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Sinh ra tại tỉnh Quảng Nam đến năm 1976 cùng gia đình chuyển vào sinh sống tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được nuôi ăn học đến hết lớp 8/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

Năm 2004, bị Tòa án Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 31/2004/HSST ngày 14/7/2004). Ngày 07/4/2005, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống;

Ngày 30/11/2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang và tạm giữ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 09/12/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **D**; Tên gọi khác: D1; Sinh năm: 1997; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Z, xã T, thành phố B, Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Q và bà C; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Sinh ra tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được gia đình nuôi ăn học đến 02/12 thì nghỉ học sống phụ thuộc gia đình.

Ngày 30/11/2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang và tạm giữ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 09/12/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông G - sinh năm 1974 - (vắng mặt).

Trú tại: Thôn K, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông M - sinh năm 1933 - (vắng mặt).

Trú tại: đường Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

1. S - sinh năm 1996 - (vắng mặt).

Trú tại: đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh V - sinh năm 1976 - (vắng mặt).

Trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

P và Th đều là đối tượng sử dụng ma túy Hêrôin. Khoảng 21 giờ 00' ngày 30/11/2017, P và Th rủ nhau góp mỗi người 100.000 đồng đi mua ma túy Hêrôin để sử dụng. Sau đó, P điều khiển xe máy kiểu dáng Dream, màu nâu,

biển số X chở Th đi đến căn nhà Số A đường T, phường T, thành phố B để mua ma túy. Khi đến nơi, Th xuống xe đứng gọi “Anh T ơi bán cho em hai trăm” và lấy ra 200.000 đồng đưa qua ô vuông trên cửa, T đi ra lấy tiền và bán cho Th 01 gói giấy bạc chứa chất ma túy Hêrôin. Sau khi mua được ma túy, P tiếp tục điều khiển xe máy chở Th đi tìm nơi sử dụng, khi đi đến khu vực đường Đ, phường T, thành phố B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên người Th 01 gói giấy bạc, bên trong chứa các cục chất rắn màu trắng (P, Th khai nhận là Hêrôin đã mua của T tại địa chỉ căn nhà Số A đường T, phường T, thành phố B được niêm phong theo quy định).

D là người sử dụng ma túy Hêrôin. Khoảng 22 giờ 00’ ngày 30/11/2017, D đang đi chơi với một số người bạn quen biết ngoài xã hội thì lên cơn nghiện nên D đi mua ma túy để sử dụng. Lúc này, Y (Không rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho D 200.000 đồng nhờ đi mua ma túy để sử dụng. Sau đó, D đón xe taxi đi đến căn nhà Số A đường T, phường T, thành phố B, đến nơi D gọi “Anh T ơi bán cho em hai cái” và lấy ra 360.000 đồng đưa qua ô vuông trên cửa, T đi ra lấy tiền và bán cho D 02 gói giấy bạc chứa chất ma túy Hêrôin. Sau khi mua xong, D cất giấu trong túi quần bên phải rồi đi ra lên xe taxi đi về, khi đi đến trước số nhà Số nhà B đường T, phường T, thành phố B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên người D 02 gói giấy bạc màu trắng đều chứa chất rắn màu trắng (D khai nhận là ma túy loại Hêrôin D mua của T được niêm phong).

T là người sử dụng ma túy loại Hêrôin. Vào tháng 4/2015, sau khi chấp hành xong án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quyết định của Toà án Nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, T về sinh sống lang thang gần khu vực hẻm đường T, phường T, thành phố B và tiếp tục sử dụng ma túy. Khoảng tháng 10/2017, T quen biết một người tên H1 (Không rõ nhân thân, lai lịch), H1 thỏa thuận để T đến ở tại địa chỉ căn nhà Số A đường T, phường T, thành phố B để bán ma túy cho H1 và được H1 cho sử dụng ma túy thì T đồng ý. Hàng ngày, T ngồi trong nhà khoá kín cổng đợi ai đến gọi mua ma túy thì bán qua ô vuông nhỏ trên cửa cổng và đến cuối ngày H1 đến kiểm tra số lượng ma túy đã bán để lấy tiền rồi đưa ma túy cho T bán tiếp. Vào khoảng 15 giờ 00’ ngày 30/11/2017, H1 đến giao cho T 35 gói giấy bạc chứa ma túy Hêrôin để bán, trong quá trình ngồi bán T đã sử dụng hết 03 gói, đến khoảng 21 giờ 00’ cùng ngày, T bán cho P, Th 01 gói giấy bạc chứa chất ma túy Hêrôin với giá 200.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 00’ cùng ngày, T tiếp tục bán cho D 02 gói giấy bạc chứa chất ma túy Hêrôin với giá 360.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ 30’ ngày 30/11/2017, trong lúc T đang ở trong nhà chờ bán ma túy thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiến hành khám xét khẩn cấp phát hiện tạm giữ: 29 gói giấy bạc đều chứa chất ma túy Hêrôin được đựng trong một chiếc hộp nhựa

hình chữ nhật màu trắng (T khai nhận là Hêrôin đã được niêm phong theo quy định pháp luật).

Tại bản kết luận số 53/GĐMT-PC54 ngày 07/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

Tang vật thu giữ của Th, P: Chất bột màu trắng đựng trong 01 (Một) gói giấy bạc màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,1693 gam, loại Hêrôin.

Tang vật thu giữ của D: Chất bột màu trắng đựng trong 02 (Hai) gói giấy bạc màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,4025 gam, loại Hêrôin.

Tang vật thu giữ của T: Chất bột màu trắng đựng trong 29 (Hai chín) gói giấy bạc là ma túy, có tổng khối lượng 1,8013 gam, loại Hêrôin.

Tại Bản cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 26/4/2018, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Th về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ Luật Hình sự năm 2015. Bị cáo P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo T, Th, P và D hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

1. Bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ Luật Hình sự năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù. Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 1999 (Điều 56 Bộ Luật Hình sự năm 2015) tổng hợp hình phạt của bản án số 61/2013/HSST ngày 18/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù.

Đối với bản án 02 năm tù của Tòa án Nhân dân huyện K, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K xác định bị cáo T chưa đóng án phí nhưng theo xác minh tại Trại giam Đ thì bị cáo T đã đóng án phí đối với bản án này nên cần xem xét cho bị cáo T.

2. Bị cáo Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ Luật Hình sự năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo Th từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

3. Bị cáo P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249

Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ Luật Hình sự năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

4. Bị cáo D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ Luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 1,4954 gam; 0,1402 gam; 0,3619 gam chất ma túy, loại Hêrôin còn lại sau giám định được niêm phong trong 03 phong bì số 53/GĐMT-PC54 của T, Th, P và D; 01 chiếc hộp nhựa màu trắng được bị cáo T sử dụng chứa ma túy để bán.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc cân tiểu ly điện tử màu đen bạc, nhãn hiệu X là tài sản thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu vàng được bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu S màu nâu, số máy X, số khung Y, biển kiểm soát Z là tài sản của anh G là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

Các bị cáo T, Th, P và D không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo T, Th, P và D đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật, để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo T đã có hành vi vào lúc 21 giờ ngày 30/11/2017 bán cho bị cáo Th, P 01 gói ma túy loại Hêrôin với giá 200.000 đồng, bán cho bị cáo D 02 gói ma túy loại Hêrôin với giá 360.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk khám xét khẩn cấp căn nhà Số A đường T, phường T, thành phố B nơi bị cáo T đang ở thu giữ 29 gói ma túy loại Hêrôin. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo T phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Th đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng vẫn tiếp tục có hành vi mua chất ma túy của bị cáo T nên bị cáo phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo P và D đã có hành vi mua chất ma túy của bị cáo T nên bị cáo P và bị cáo D phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên do hành vi của các bị cáo Th, P, D thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, do vậy căn cứ vào các quy định của khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì cần áp dụng các quy định tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999 và các quy định về hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới của Bộ luật Hình sự 2015, như vậy cần phải áp dụng điểm c khoản 1; điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xác định tội D và quyết định hình phạt đối với bị cáo Th, P và bị cáo D.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...
b) Phạm tội nhiều lần;

...
p) Tái phạm nguy hiểm.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...
c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...
o, Tái phạm nguy hiểm;

Như vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo Th về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7 điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo P và D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản thân các bị cáo là người bị nghiện, các bị cáo nhận thức được rõ chất ma túy là một loại chất gây nghiện nặng, làm hủy diệt đến sức khỏe tinh thần của con người. Đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác và phát sinh các loại dịch bệnh. Các bị cáo biết rõ chất ma túy là loại được chất thuộc độc quyền quản lý của Nhà nước thông qua các cơ quan chức năng có thẩm quyền và phải tuân theo những trình tự thủ tục nghiêm ngặt. Mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc. Song do ý thức xem thường pháp luật, chỉ vì thỏa mãn cơn nghiện mà các bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy đối với các bị cáo T, Th, P và D cần phải xử lý nghiêm khắc buộc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong tình hình xã hội hiện nay.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T đã nhiều lần bị xử phạt, chưa chấp hành án đối với bản án trộm cắp tài sản nhưng không coi là bài học kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Th đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 03/8/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, bị cáo không chịu sửa chữa sai lầm mà còn rủ rê bị cáo P mua ma túy về sử dụng, bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội một cách cố ý.

Bị cáo P có nhân thân xấu, đã bị kết án nhưng không chịu cải tạo, tu chí làm ăn mà tiếp tục nghiện chất ma túy.

Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo T, Th, P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho các bị cáo.

Đối với bị cáo D có nhân thân tốt, là người đồng bào thiểu số, tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo D.

[5] Đối với căn nhà tại địa chỉ Số A đường T, phường T, thành phố B, là địa điểm bị cáo T sử dụng để mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm việc được với chủ sở hữu căn nhà nêu trên nên tách ra để điều tra xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng tên H1 là người đã đem ma túy đến căn nhà Số A đường T, phường T, thành phố B cho bị cáo T bán, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch đối tượng nêu trên nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

[6] Kiến nghị Trại giam Đ chuyển số tiền 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo T đã nộp tại Trại giam Đ vào ngày 15/10/2014 cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy 1,4954 gam; 0,1402 gam; 0,3619 gam chất ma túy, loại Hêrôin còn lại sau giám định được niêm phong trong 03 phong bì số 53/GĐMT-

PC54 của T, Th, P và D; 01 chiếc hộp nhựa màu trắng được bị cáo T sử dụng chứa ma túy để bán.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc cân tiểu ly điện tử màu đen bạc, nhãn hiệu X là tài sản thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu vàng được bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu S màu nâu, số máy X, số khung Y, biển kiểm soát Z là tài sản của anh G là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo T, Th và D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo T (T1) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo T (T1) 09 (chín) năm tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt của bản án số 61/2013/HSST ngày 18/11/2013 của Tòa án Nhân dân huyện C xử phạt bị cáo T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 10 (mười năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 01/12/2017.

[2] Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Th (Th1) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Th 07 (bảy) năm tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 01/12/2017.

[3] Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 01/12/2017.

[4] Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo D (D1) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 01/12/2017.

[5] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 1,4954 gam; 0,1402 gam; 0,3619 gam chất ma túy, loại Hêrôn còn lại sau giám định được niêm phong trong 03 phong bì số 53/GĐMT-PC54 của T, Th, P và D; 01 chiếc hộp nhựa màu trắng được bị cáo T sử dụng chứa ma túy để bán.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc cân tiểu ly điện tử màu đen bạc, nhãn hiệu X là tài sản thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu vàng được bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2018 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu S màu nâu, số máy X, số khung Y, biển kiểm soát Z là tài sản của anh G là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

[6] Kiến nghị Trại giam Đ chuyển số tiền 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo T đã nộp tại Trại giam Đ vào ngày 15/10/2014 cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T, Th, P và D phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đông